

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA XVII)
về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030

I- TÌNH HÌNH LIÊN QUAN

Chuyển đổi số là xu hướng phát triển tất yếu, tác động lớn đến hầu hết các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội, nhất là trong bối cảnh thích ứng an toàn, linh hoạt với đại dịch Covid-19. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược thực hiện định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030.

Trong những năm qua, công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số của tỉnh được đẩy mạnh. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 22/6/2021 về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; trung tâm dữ liệu tập trung của tỉnh được quan tâm đầu tư, xây dựng; các hệ thống dùng chung của tỉnh được triển khai liên thông 4 cấp hành chính từ tỉnh đến xã và kết nối với Trung ương. Cơ sở hạ tầng thông tin được đầu tư hiện đại, mạng lưới cáp quang triển khai đến 100% xã, phường, thị trấn và hơn 92% thôn, tổ dân phố; gần 48% số hộ gia đình có kết nối cố định Internet băng rộng; có trên 673.000 thuê bao, trong đó có trên 493.000 thuê bao sử dụng điện thoại thông minh. Theo kết quả xếp hạng chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh năm 2020 do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố, tỉnh Tuyên Quang xếp thứ 44/63 tỉnh, thành phố trong cả nước về mức độ chuyển đổi số (DTI).

Tuy nhiên, việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, tiến tới chuyển đổi số của tỉnh chưa thực sự sâu rộng, hiệu quả chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; nhận thức của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân còn hạn chế; hạ tầng kỹ thuật được đầu tư nhưng chưa đồng bộ; cơ sở dữ liệu chưa đáp ứng yêu cầu, chưa đồng bộ, thiếu tính liên kết, chia sẻ; nguồn nhân lực công nghệ thông tin còn thiếu, chất lượng có mặt chưa đáp ứng yêu cầu; chưa có giải pháp cụ thể, hiệu quả hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là ứng dụng các phần mềm tiện ích phục vụ đời sống sinh hoạt và hoạt động sản xuất kinh doanh; tính chủ động trong tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại của người dân, doanh nghiệp còn hạn chế...

Nguyên nhân: những hạn chế nêu trên chủ yếu do nhận thức về chuyển đổi số của cán bộ, công chức, viên chức, người dân và xã hội còn chưa đầy đủ; nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực của cơ quan quản lý Nhà nước phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin, tiến tới chuyển đổi số còn hạn chế; nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước còn khó khăn, việc huy động nguồn lực đầu tư xã hội cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; tư duy trong chuyển đổi số, quản lý Nhà nước về chuyển đổi số chưa theo kịp thực tiễn, chưa phát huy được vai trò định hướng, dẫn dắt; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự chặt chẽ; chưa có cơ chế, chính sách cho đầu tư, phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên nền tảng công nghệ số...

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

1.1. Chuyển đổi số là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đây cũng là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả, tính minh bạch trong hoạt động của các cấp chính quyền, hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

1.2. Thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh phải bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, đảm bảo tính kế thừa, phù hợp với xu hướng phát triển và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo đảm an toàn, an ninh mạng; chủ động phòng ngừa, hạn chế các tiêu cực tác động trong quá trình thực hiện. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trong cơ quan Đảng, chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp và người dân. Ưu tiên chuyển đổi số ở một số lĩnh vực: nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, tài nguyên và môi trường, tài chính - ngân hàng, y tế, giáo dục - đào tạo, du lịch...

1.3. Trong quá trình chuyển đổi số phải lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, định hướng mở để người dân, doanh nghiệp và các tổ chức tham gia một cách phù hợp vào hoạt động của cơ quan Nhà nước, tăng cường minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng giải quyết vấn đề và cùng tạo ra giá trị cho xã hội; chú trọng thực hiện các giải pháp chuyển đổi nhận thức cho toàn dân.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Đổi mới căn bản, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, vận hành hệ thống quản lý nhà nước và xã hội, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, giúp các ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp và người dân triển khai hoạt động, quản lý, sản xuất, kinh doanh, sử dụng dịch vụ số đạt hiệu quả cao. Duy trì và từng bước nâng thứ hạng của tỉnh trên bảng xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI); phấn đấu đến năm 2025 Tuyên Quang là một trong những tỉnh xếp hạng khá, đến năm 2030 là tỉnh nằm trong nhóm dẫn đầu khu vực miền núi phía Bắc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2025

a) Xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và sử dụng được trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% các sở, ban, ngành, huyện, thành phố tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; 100% cơ quan Nhà nước cấp tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; 100% cơ sở dữ liệu dùng chung và 80% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh, thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP). 100% các hệ thống dùng chung và chuyên ngành đều được xác thực tập trung (SSO).

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan Nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất; 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (*trừ văn bản mật theo quy định*); 100% chế độ báo cáo được tạo lập, cập nhật, lưu trữ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung theo quy định.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng theo quy định; tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 20% GRDP (*Tổng sản phẩm trên địa bàn*).

- Năng suất lao động tăng bình quân từ 7%/năm.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- 100% người dân có danh tính số kèm theo mã QR code, có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân; 100% học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân;

100% hộ gia đình có địa chỉ số và có ít nhất 01 điện thoại thông minh; 100% hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh, gửi, nhận hóa đơn điện tử với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số.

- 100% tuyến đường chính tại trung tâm các huyện, thành phố được lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh; 100% di sản của tỉnh có hiện diện số và hình thành bản đồ di sản số để người dân, khách du lịch truy cập thuận lợi trên môi trường số.

- 100% thôn và trên 80% hộ gia đình được bao phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và điện thoại di động thông minh, từng bước phát triển mạng 5G. 50% dân số có tài khoản thanh toán điện tử.

2.2.2. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030

a) Xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần; 100% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành được kết nối, chia sẻ trong toàn tỉnh và với các cơ sở dữ liệu quốc gia (*dân cư, đất đai, bảo hiểm...*) thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh. Từng bước mở dữ liệu của các cơ quan Nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng theo quy định; tối thiểu 70% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phấn đấu kinh tế số chiếm 30% GRDP (*Tổng sản phẩm trên địa bàn*).

- Năng suất lao động tăng bình quân từ 8%/năm.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Trên 90% hộ gia đình được bao phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ mạng di động 5G trên địa bàn toàn tỉnh.

- 100% hộ gia đình có ít nhất 02 điện thoại thông minh; trên 80% dân số có tài khoản thanh toán điện tử.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp và trách nhiệm của người đứng đầu đối với quá trình chuyển đổi số; đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, các chủ trương, định hướng của Trung ương về chuyển đổi số. Tiếp tục quán triệt và chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 402-KH/TU ngày 26/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; các nghị quyết, đề án của tỉnh về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; tiên phong, đi đầu trong việc chuyển đổi số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của địa phương, đơn vị; lấy việc triển khai thực hiện Nghị quyết chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp và các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân về tính tất yếu, sự cần thiết, lợi ích thiết thực cả trước mắt và lâu dài của chuyển đổi số, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện chuyển đổi số.

1.2. Xây dựng, thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các cơ chế, chính sách của tỉnh trong thực hiện chuyển đổi số nhằm thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hoạt động đầu tư, kinh doanh, nhất là thu hút các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh các sản phẩm công nghệ số, dịch vụ số; khuyến khích, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống sinh hoạt.

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ năng sử dụng các ứng dụng công nghệ số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong triển khai thực hiện chuyển đổi số. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ ở các cơ quan chuyên trách để trở thành các chuyên gia nòng cốt,

tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp xây dựng kế hoạch, định hướng thực hiện chuyển đổi số trong toàn tỉnh. Có cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

1.3. Phát triển hạ tầng kỹ thuật và các nền tảng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh phục vụ chuyển đổi số. Phát triển hạ tầng Internet phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ chuyên ngành trong triển khai chuyển đổi số gắn kết với phát triển đô thị thông minh, kết hợp tối đa với hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư. Xây dựng bản đồ số của tỉnh có tính mở, làm nền tảng phát triển các dịch vụ số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng trung tâm dữ liệu, tạo lập dữ liệu mở, mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống phần mềm và dữ liệu dùng chung, dịch vụ số hóa dữ liệu, hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) để kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; triển khai đồng bộ hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên địa bàn toàn tỉnh, phát triển mạng di động 5G, nâng cấp mạng di động 4G.

Từng bước xây dựng, ứng dụng, phát triển và hoàn thiện nền tảng chuyển đổi số của tỉnh trên cả 3 lĩnh vực trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong đó, ưu tiên phát triển và hoàn thiện nền tảng chính quyền số trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 22/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) và các đề án, dự án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển chính quyền số

Phát triển các dịch vụ, ứng dụng chính quyền số theo kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang 2.0. Hoàn thiện phát triển hệ thống tích hợp công dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp, sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác. Ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ công, tiếp thu ý kiến người dân và doanh nghiệp khi xây dựng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan Nhà nước.

Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan Đảng, Nhà nước theo quy định.

Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ và các bộ, ngành, cơ quan, địa phương, bảo đảm tích hợp, chia sẻ dữ liệu số phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền để rút ngắn thời gian họp, giảm giấy tờ hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả

lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan Nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng.

Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC), phát triển đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế; ưu tiên phát triển các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như: tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, y tế, giáo dục, quản lý xây dựng... bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Gắn kết các dịch vụ đô thị thông minh với các dịch vụ chính quyền số.

Tiếp tục phát triển nền tảng các ứng dụng trên thiết bị di động, cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích mọi lúc, mọi nơi.

3. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút đầu tư, chú trọng thu hút phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Tạo thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh phát triển các nền tảng phục vụ chuyển đổi số.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số, trọng tâm là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big data) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo, các cấp, các ngành điều hành kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng, phát triển nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị, hình thành chuỗi cung ứng, trong đó có sự tham gia của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh với các cơ sở sản xuất, phân phối và các kênh thương mại, các công ty thương mại điện tử trên phạm vi cả nước và quốc tế. Thúc đẩy việc áp dụng nhanh chóng nền tảng mã địa chỉ bưu chính VPostcode trong hoạt động thương mại điện tử và Logistics.

4. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số

Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án liên quan đến xã hội số quốc gia; lựa chọn mô hình điểm tiến hành chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, giáo dục; mô hình điểm cấp xã để xây dựng xã hội số, tổng kết, đánh giá, nhân rộng phạm vi thực hiện. Phát triển và khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng số trong công tác quản lý xã hội tại địa phương; tăng cường quảng bá văn hóa, lịch sử của tỉnh.

Khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp dịch vụ mạng di động 4G/5G, đường truyền Internet tốc độ cao để thúc đẩy, tăng tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh của người dân; đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không dùng tiền mặt.

Thúc đẩy phát triển xã hội số, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các khóa học đại trà, trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; ban hành các quy tắc ứng xử trên môi trường số; hình thành Trung tâm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp qua nền tảng số.

5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm các quy định về Luật an ninh mạng, bảo vệ bí mật Nhà nước. Xây dựng trung tâm giám sát an toàn thông tin 4 lớp (SOC); củng cố lực lượng chuyên trách đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng kết hợp đầu tư trang, thiết bị, phương tiện khoa học - kỹ thuật để chủ động phòng ngừa rủi ro, ứng phó và khắc phục kịp thời các sự cố về an toàn, an ninh mạng, giảm tác động tiêu cực của quá trình chuyển đổi số, bảo vệ an toàn các nguồn thông tin, dữ liệu trong chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy hoạt động trên môi trường số.

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ thông tin, dữ liệu khi tham gia hoạt động trên môi trường số; tuân thủ các quy tắc về sử dụng dịch vụ số và tham gia tích cực các hoạt động về an toàn, an ninh mạng.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai sâu rộng nội dung Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, chi tiết, phù hợp với đặc điểm tình hình của ngành, địa phương, đơn vị để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết đã đề ra. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên; đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh phổ biến, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết trong các tầng lớp nhân dân, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng, ý chí và hành động, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đề ra; theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách có liên quan để tạo môi trường thuận lợi và thực hiện có hiệu quả quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Giám sát chặt chẽ, phát hiện, kiến nghị xử lý, khắc phục kịp thời những hạn chế, bất cập, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án, dự án để thực hiện Nghị quyết, trong đó xác định rõ các nội dung, lộ trình thực hiện cụ thể, chi tiết; bố trí ngân sách và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Định kỳ đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm để kịp thời đề xuất bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết. Định kỳ hằng năm đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện; sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết theo quy định.

5. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và nhân dân tích cực tham gia các giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số; nâng cao ý thức, trách nhiệm, quyền giám sát và phân biện xã hội đối với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

6. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban đảng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết của các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương; tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo hiệu quả việc quán triệt, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết này; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện theo quy định.

Nghị quyết này phổ biến đến các tổ chức đảng, đảng viên và nhân dân trong toàn tỉnh để thực hiện.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW Đảng (B/c),
- BCS Đảng Chính phủ (B/c),
- Các ban Đảng, Văn phòng TW Đảng,
- BCS Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban Đảng Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, ĐUTT Tỉnh ủy,
- Đồng chí Chánh, các Phó Chánh VPTU,
- Chuyên viên VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Châu Văn Lâm